TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÂM** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÂM - TỈNH HƯNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Mười
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Điện và bà Nguyễn Thị Thắn.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện Viện kiểm sát*** *nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà*: Bà Phạm Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2024/TLST - HS ngày 13/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST - HS ngày 17/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 07/02/2005.

Nơi sinh, cư trú: Thôn M, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 23/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 28/5/2004.

Nơi sinh, cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Hồng V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/02/2024 đến ngày 23/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Hoàng Thúy H1, sinh năm: 1981, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Chí Q1, sinh năm: 2002, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng Hải N và Nguyễn Xuân Q đều là những người chưa có nghề nghiệp, nghiện chơi Game. Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên cả hai đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền. Khoảng 19 giờ ngày 19/02/2024, khi N và Q đang ngồi chơi tại quán G1 ở thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên thì có bạn là Nguyễn Ngọc Việt A, sinh năm 2008 ở thôn N, xã L, huyện V cũng đến chơi Game. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Q rủ N đi lên thị trấn N chơi, N đồng ý. Do không có xe mô tô nên N hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển số 29D1- 578.30 của anh Nguyễn Chí Q1 sinh năm 2002 ở thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên thì anh Q1 đồng ý. Lúc này Việt A cũng đang ngồi chơi Game tại quán, N rủ Việt A đi cùng thì Việt A cũng đồng ý. Sau khi mượn được xe của anh Q1, Việt A điều khiển xe mô tô trên chở Q ngồi giữa, N ngồi phía sau, đi từ xã V theo đường ĐT385 đến xã C, huyện V. Khi đi đến trước cửa nhà chị Hoàng Thúy H1, sinh năm 1981 ở thôn N, xã C, huyện V, cả ba thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ, đen, trắng, biển số 89L1- 093.13 của chị H1 đang dựng ở cổng, vẫn cắm chìa ở ổ khóa điện. Sau khi đi qua nhà chị H1 được khoảng 100m thì Q bảo *"nhảy xe không"* N và Việt A đều nghe thấy và hiểu nhảy xe nghĩa là trộm cắp chiếc xe máy của chị H1. Việt A bảo *"em không dám"*, còn N đồng ý và bảo *"quay lại chỗ lúc nãy có con xe cắm chìa khóa để ở cổng"*. Nhưng Việt A vẫn điều khiển xe đi tiếp dọc đường ĐT385. Khi đi đến đầu thôn N, xã C thì Việt A dừng xe lại rồi xuống xe đi bộ về nhà. Còn Q tiếp tục điều khiển xe mô tô chở N quay về cổng nhà chị H1. Khi gần đến nơi cả hai dừng xe lại, quan sát xung quanh không có ai, N xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô nêu trên của chị H1 rồi ngồi lên xe bật khóa điện nổ máy điều khiển đi. Để tránh bị phát hiện, N và Q mỗi người điều khiển một chiếc xe mô tô đi về hướng thị trấn N rồi đi sang địa phận tỉnh Bắc Ninh, sau đó quay về quán G1 ở thôn M, xã V, huyện V. N và Q trả cho Q1 chiếc xe mô tô đã mượn trước đó còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade vừa trộm cắp của chị H1 thì để ở sân của quán G rồi cả hai vào quán chơi Game tiếp.

Sau khi phát hiện bị mất chiếc xe mô tô trên, chị H1 đã làm đơn trình báo gửi Công an xã C đề nghị giải quyết. Sáng ngày 20/02/2024 N và Q đến Công an xã Chỉ Đạo đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô đã trộm cắp được của chị H1. Cùng ngày, Công an xã C bàn giao hồ sơ, vật chứng đến cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 20/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của N và Q. Kết quả khám xét không thu giữ, đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Ngày 20/02/2024, Hội đồng định giá tài sản huyện V có Kết luận định giá tài sản số 14, kết luận: "*01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát: 89L1-093.13, số máy: F46E-4031546, số khung: 4601DY516814, đã qua sử dụng (đã thu giữ được vật chứng) tại thời điểm ngày 19/02/2024 có giá trị là 14.000.000 đồng*".

Đối với anh Nguyễn Chí Q1 đã cho N và Q mượn xe mô tô để đi, việc N và Q sử dụng vào mục đích phạm tội anh Q1 không biết nên không xem xét xử lý đối với anh Nguyễn Chí Q1.

Đối với Nguyễn Ngọc V1 Anh là người điều khiển xe mô tô đi cùng Q và N vào ngày 19/02/2024 nhưng Việt A không tham gia thực hiện hành vi trộm cắp cùng Q và N nên không xem xét xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Ngày 23/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Airblade màu đỏ, đen, trắng, biển số 89L1- 093.13 cho chị H1. Chị H1 đã nhận lại tài sản tự nguyện không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKS-VL ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên đã truy tố Nguyễn Hoàng Hải N và Nguyễn Xuân Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N, Nguyễn Xuân Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân Q từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp: Không phải giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N, Nguyễn Xuân Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện V và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lâmvà kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; biên bản khám xét; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận định giá tài sản cùng các vật chứng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 19/02/2024 tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên, các bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N và Nguyễn Xuân Q đã thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ, đen, trắng, biển số 89L1-093.13, trị giá 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) của chị Hoàng Thúy H1. Sau đó thì bị phát hiện.

Hành vi của các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ pháp luật.

Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng do lười lao động, muốn có tiền chi tiêu cá nhân, các bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ,

gây hoang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án có đồng phạm tham gia thực hiện tội phạm, nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, vai trò các bị cáo cụ thể như sau. Bị cáo Q giữ vai trò chính, bị cáo là người khởi xướng, rủ N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đồng thời bị cáo cũng trực tiếp điều khiển xe mô tô chở N đến nhà bị hại để trộm cắp, hình phạt với Q sẽ cao hơn N. Bị cáo N giữ vai trò là người thực hành tích cực, khi Q rủ bị cáo đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý, Q điều khiển xe mô tô đưa N đến nhà bị hại, N xuống xe đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô rồi ngồi lên xe mở khóa điện điều khiển xe đi về quán game cất giữ.

Tuy nhiên cũng xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã ra đầu thú; gia đình các bị cáo có đơn đề nghị cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, chính quyền địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa hành vi vi phạm pháp luật của mình là phù hợp và có căn cứ. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V đã trả lại chiếc xe mô tô Honda Airblade màu đỏ, đen, trắng, biển số 89L1- 093.13 cho chị H1. Chị H1 đã nhận lại tài sản tự nguyện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N, Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Tuyên bố*: Các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Nguyễn Hoàng Hải N phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

[2]. *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. *Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Xuân Q 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Nguyễn Hoàng Hải N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp: Không giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng Hải N, Nguyễn Xuân Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử phúc thẩm, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân, Công an huyện Văn Lâm;
- Các bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Mười